TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỆ THỦY** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/DS-ST
Ngày: 09 - 4 - 2021
V/v "Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sơn.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Quang Huy và ông Lê Quang Thạch.
- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Ngọc Quảng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy.

Trong ngày 09 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 35/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2020 về việc "Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-DS ngày 23/02/2021, quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-DS ngày 12/3/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị L, sinh năm 1979.
Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện L, tỉnh Quảng Bình.
Có mặt.

2. *Đồng bị đơn*: Anh Ngô Văn H, sinh năm 1977 và chị Lê Thị D, sinh năm 1992.
Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện L, tỉnh Quảng Bình.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/12/2020, bản tự khai ngày 22/12/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Thị L trình bày: Từ năm 2016, chị Võ Thị L và vợ chồng anh Ngô Văn H, chị Lê Thị D có thiết lập mối quan hệ làm ăn cung cấp thức ăn chăn nuôi, con giống và thuốc chữa bệnh gia cầm. Chị L là đại lý thức ăn chăn nuôi cung ứng cho hộ anh H, chị D thức ăn chăn nuôi, thuốc và con giống. Hai bên thỏa thuận chị L cung cấp thức ăn chăn nuôi, con giống và thuốc chữa bệnh gia cầm cho anh H, chị D; sau khi bán sản phẩm, anh H và chị D thanh toán tiền đã nợ cho chị L và chị L tiếp tục cung cấp thức ăn chăn nuôi, con giống và thuốc chữa bệnh gia cầm để anh H, chị D chăn nuôi lứa tiếp theo. Tuy nhiên, anh H, chị D đã vi phạm thỏa thuận, sau khi bán sản phẩm đã không thực hiện việc trả

nợ cho chị L như đã cam kết, chị L đã nhiều lần gọi điện thoại và đến nhà đòi nợ nhưng vợ chồng anh H, chị D không trả nợ. Hiện tại vợ chồng anh H, chị D còn nợ chị L số tiền 191.400.000 đồng (Một trăm chín mươi mốt triệu bốn trăm nghìn đồng). Do chị Võ Thị L đã tạo điều kiện cho anh H, chị D trong việc trả nợ nhưng anh H, chị D thiếu thiện chí, chây ỳ trả nợ, vì vậy chị L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh Ngô Văn H, chị Lê Thị D trả cho chị số tiền 191.400.000 đồng (Một trăm chín mươi mốt triệu bốn trăm nghìn đồng) và trả lãi theo lãi suất cho vay của ngân hàng nhà nước trên tổng số tiền nợ 191.400.000 đồng (Một trăm chín mươi mốt triệu bốn trăm nghìn đồng) kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ; buộc vợ chồng anh H, chị D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Tại bản tự khai ngày 22/12/2020, anh Ngô Văn H trình bày: Anh H thừa nhận vợ chồng anh còn nợ chị Võ Thị L số tiền 191.400.000 đồng (Một trăm chín mươi mốt triệu bốn trăm nghìn đồng). Nguyện vọng của anh H trước mắt trả cho chị Võ Thị L số tiền 50.000.000 đồng, số tiền nợ còn lại vợ chồng anh chị sẽ trả dần.

Tại bản tự khai của chị Lê Thị D ngày 18/01/2021, biên bản hòa giải ngày 18/01/2021, đồng bị đơn là anh Ngô Văn H, chị Lê Thị D trình bày: Anh Ngô Văn H, chị Lê Thị D thừa nhận vợ chồng còn nợ chị Võ Thị L tiền thức ăn chăn nuôi, con giống và thuốc chữa bệnh gia cầm do chị L cung cấp số tiền 191.400.000 đồng (Một trăm chín mươi mốt triệu bốn trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, thời gian vừa quan do dịch bệnh Covid, chăn nuôi thua lỗ nên không có tiền trả nợ cho chị Võ Thị L. Nguyện vọng của vợ, chồng anh H và chị D sẽ trả dần cho chị L đến khi trả hết nợ số tiền 191.400.000đ (Một trăm chín mươi mốt triệu bốn trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa lần thứ nhất, đồng bị đơn là anh Ngô Văn H vắng mặt, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ hai, đồng bị đơn anh Ngô Văn H, chị Lê Thị D vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án giao nhận Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt của đồng bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án triệu tập, thông báo hòa giải đến các đương sự, đồng bị đơn anh Ngô Văn H, chị Lê Thị D đều có mặt. Tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 12/3/2021, đồng bị đơn anh Ngô Văn H vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ hai, đồng bị đơn anh Ngô Văn H, chị Lê Thị D vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đồng bị đơn anh Ngô Văn H, chị Lê Thị D.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, xác định quan hệ pháp luật có tranh

chấp là tranh chấp về "Hợp đồng mua bán hàng hóa" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; đồng bị đơn cư trú tại xã C, huyện L, tỉnh Quảng Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự: Theo các giấy tờ do chị Võ Thị L cung cấp về việc ký xác nhận, nhận nợ ghi trong sổ giao hàng, sự thừa nhận của đồng bị đơn là anh Ngô Văn H và chị Lê Thị D về việc nợ tiền giống gia cầm và thức ăn chăn nuôi, thuốc chữa bệnh gia cầm. Xét cả hai bên khi tham gia giao dịch đều có năng lực hành vi dân sự; mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện; hình thức giao dịch được lập thành văn bản. Do đó giao dịch dân sự giữa chị Võ Thị L với vợ chồng anh Ngô Văn H, chị Lê Thị Dung không bị vô hiệu.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo các giấy tờ do chị Võ Thị L cung cấp, sự thừa nhận của đồng bị đơn là anh Ngô Văn H và chị Lê Thị D, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Anh Ngô Văn H, sinh năm 1977 và chị Lê Thị D, sinh năm 1992; cư trú tại thôn H, xã C, huyện L, tỉnh Quảng Bình còn nợ chị Võ Thị L, cư trú tại thôn Đ, xã C, huyện L, tỉnh Quảng Bình tiền giống gia cầm, tiền thức ăn chăn nuôi, thuốc chữa bệnh gia cầm tổng số tiền 191.400.000đ (Một trăm chín mươi mốt triệu bốn trăm nghìn đồng). Quá trình giải quyết vụ án, chị L có thiện chí yêu cầu anh H, chị D trước mắt trả cho chị số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), số tiền còn lại 91.400.000đ (Chín mươi mốt triệu bốn trăm nghìn đồng) anh H, chị D trả cho chị chậm nhất đến ngày 22/12/2021 nhưng anh H, chị D không đồng ý. Tại phiên tòa, chị Võ Thị L yêu cầu anh H, chị D trả cho chị số tiền 191.400.000 đồng (Một trăm chín mươi mốt triệu bốn trăm nghìn đồng) do anh H, chị D thiếu thiện chí, chây ỳ nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc anh Ngô Văn H, chị Lê Thị D phải có nghĩa vụ trả nợ cho chị L số tiền 191.400.000 đồng (Một trăm chín mươi mốt triệu bốn trăm nghìn đồng) là phù hợp với các Điều 351 và 440 Bộ luật dân sự.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc anh Ngô Văn H, chị Lê Thị D phải trả tiền lãi theo lãi suất cho vay của ngân hàng nhà nước trên số tiền 191.400.000 đồng (Một trăm chín mươi mốt triệu bốn trăm nghìn đồng) kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Khi thỏa thuận với nhau về việc giao giống gia cầm, thức ăn chăn nuôi và thuốc chữa bệnh gia cầm, các bên không đề cập đến nghĩa vụ trả lãi khi vi phạm thời gian trả nợ; trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cũng không yêu cầu đồng bị đơn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả; tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu đồng bị đơn phải trả lãi theo lãi suất cho vay của ngân hàng nhà nước trên số tiền 191.400.000 đồng (Một trăm chín mươi mốt triệu bốn trăm nghìn đồng) kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ nên cần buộc anh Ngô Văn H, chị Lê Thị D phải trả lãi đối với khoản tiền nợ chị Võ Thị L số tiền 191.400.000 đồng (Một trăm chín mươi mốt triệu bốn trăm nghìn đồng) kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468, Điều 357 Bộ luật dân sự và hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-

HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; đồng bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 266, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 351, 357, 440 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Võ Thị L.

1/ Buộc đồng bị đơn là anh Ngô Văn H, sinh năm 1977 và chị Lê Thị D, sinh năm 1992; cư trú tại thôn H, xã C, huyện L, tỉnh Quảng Bình phải trả nợ cho chị Võ Thị L số tiền 191.400.000 đồng (Một trăm chín mươi mốt triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể tiếp sau ngày tuyên án sơ thẩm (09/4/2021) cho đến khi anh Ngô Văn H, chị Lê Thị D trả hết tiền nợ, hàng tháng anh Ngô Văn H, chị Lê Thị D còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm trả cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

2/ Về án phí: Buộc anh Ngô Văn H, chị Lê Thị D phải chịu 9.570.000đ (Chín triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Hoàn trả cho chị Võ Thị L số tiền 4.785.000đ (Bốn triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0006190 ngày 04/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/4/2021), đồng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án của

Tòa án tống đạt hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Sơn

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Lệ Thủy;
- Lưu HS, VP.